

CẢM NHẬN VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

TRẦN VĂN TRÌNH

Phụ nữ có vai trò đặc biệt trong đời sống chính trị, xã hội và văn hóa. Trong xã hội truyền thống, do ảnh hưởng của Nho giáo, người cha và người chồng có quyền tuyệt đối trong gia đình đối với phụ nữ.

Trong suốt thời gian chiến tranh, vai trò của phụ nữ đã thay đổi, phụ nữ đã có những vị trí trong quân đội, Chính phủ và đảm đương trách nhiệm bảo đảm sản xuất trong khi nam giới tham gia chiến đấu. Tuy phụ nữ đã đạt được những thành tích trong việc thiết lập sự bình đẳng trước pháp luật nhưng vị trí của họ trong xã hội vẫn thấp hơn so với nam giới.

Trong gia đình, phụ nữ vẫn phụ thuộc, mặc dù phải gánh vác trách nhiệm chăm sóc và thu nhập cho gia đình. Hầu hết phụ nữ chỉ được quyết định về những việc vặt trong nhà, nuôi con và chi tiêu các bữa ăn.

Đặc điểm nổi bật của phụ nữ Việt Nam là được tham gia rộng rãi vào đời sống chính trị đất nước. Hiện nay, phụ nữ chiếm ¼ các vị trí quyết định trong Quốc hội. Mấy năm gần đây số đại biểu nữ tại Quốc hội tăng dần lên. Khoảng 25% số Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội là phụ nữ.

Chính sách xã hội đối với phụ nữ

Trong hệ thống các chính sách nói chung, chính sách đối với phụ nữ có thể coi là chính sách xã hội vì nó đề cập đến các mối quan hệ xã hội và điều chỉnh mối quan hệ giữa hai giới. Thực tế là, các chính sách đối với phụ nữ chỉ mang lại kết quả mong muốn về bình đẳng nam nữ và công bằng giới khi vượt ra khỏi phạm vi của các chính sách xã hội hiểu theo nghĩa hẹp, vươn sang các lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản lý và sử dụng nguồn lực...v.v... Như vậy, bất kỳ chính sách nào mà mục đích cuối cùng là phục vụ con người đều liên quan hoặc có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến phụ nữ.

Những chính sách chung không trực tiếp nhằm vào vấn đề phụ nữ hay giới, song lại ảnh hưởng tới phụ nữ và tương quan giữa hai giới ví dụ như chính sách ruộng đất, tiền lương, thuế thu nhập...

Những chính sách dành riêng cho phụ nữ như chương “*Lao động nữ*” trong Bộ Luật Lao động, hoặc như chính sách đối với cán bộ nữ, chính sách về chế độ thai sản đối với nữ cán bộ công nhân, viên chức...v.v...

Hầu hết các chính sách xã hội cho đến gần đây đã được xây dựng cho nữ cán bộ công nhân viên, tức là cho lao động nữ đang làm việc trong khu vực Nhà nước. Ví dụ, trong Quyết định số 7/HĐBT ngày 15/1/1983 về việc sửa đổi, bổ sung chế độ thai sản đối với nữ công nhân viên chức, có điều 2 nêu rõ: “*Nữ công nhân, viên chức nhà nước khi đẻ được trợ cấp tiền bồi dưỡng và mua sắm vật dụng cho con như sau: 300 đồng đối với con thứ nhất, thứ hai; 150*

đồng đối với con thứ ba...” Trong khi đó có rất ít chính sách được đề ra cho lao động nữ trong khu vực kinh tế khác. Đối với nữ xã viên hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, chỉ có một số quy định liên quan đến chế độ thai sản mà cũng chỉ hạn chế ở những “*quy định tạm thời*”. Nghiêm trọng hơn, lao động nữ ở khu vực nông nghiệp hầu như không thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách. Tại nông thôn miền Bắc trước đây có một số hình thức trợ giúp tổ chức nhà trẻ, mẫu giáo, trợ giúp người già. Loại chính sách này được thực hiện vào những năm 70, 80 đến nay đang bị suy giảm nghiêm trọng. Đầu những năm 90, lao động nữ trong các doanh nghiệp tư nhân và liên doanh được đề cập đến như là đối tượng chính sách thông qua một số quy định liên quan đến chế độ thai sản.

Chính sách đối với các nhóm phụ nữ được xác định theo thành phần kinh tế chỉ mới có tác dụng thực sự đối với một số ít phụ nữ trong xã hội. Là đối tượng chủ yếu của chính sách, nữ công nhân viên chức và một bộ phận nữ xã viên hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chỉ chiếm trên 10% tổng số lao động nữ trong cả nước.

Những vấn đề xã hội nảy sinh từ cuộc sống và việc chúng có trở thành vấn đề chính sách hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, trong đó trước hết là đường lối, chủ trương chung của Đảng và Nhà nước, tiếp theo là mức độ gay gắt và phạm vi ảnh hưởng của vấn đề, sau đó là tác dụng và hiệu lực của những chính sách hiện hành có liên quan.

Do những đặc thù của người lao động nữ, chị em lúc mang thai, sinh nở và nuôi con nhỏ vẫn phải gánh vác công việc lao động và gia đình. Như vậy là họ cùng một lúc đảm nhiệm 2 chức năng xã hội nặng nề là sản xuất, công tác và chăm lo gia đình. Đồng thời, lại do ảnh hưởng của tư tưởng trọng nam khinh nữ, nên mặc dù Hiến pháp nước ta từ lâu đã công nhận quyền bình đẳng mọi mặt giữa nam và nữ, nhưng trên thực tế phụ nữ vẫn chịu nhiều thiệt thòi. Trong vấn đề việc làm, đa số họ phải làm những công việc lao động giản đơn, nặng nhọc mà thu nhập lại thấp. Vì vậy, vấn đề đặt ra không chỉ tạo việc làm cho phụ nữ mà công việc đó cần thích hợp với khả năng và điều kiện của lao động nữ, từ đó họ có thể hoàn thành tốt và có thu nhập khá. Việc làm trước hết nhằm tạo ra thu nhập để nuôi sống gia đình và bản thân, nhưng mục đích của việc làm không chỉ để kiếm sống mà còn bao hàm nội dung kinh tế, văn hóa, xã hội rộng rãi hơn.

Suy nghĩ về những giải pháp:

Chính sách xã hội đối với phụ nữ chính là nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao địa vị và nhân phẩm người phụ nữ, thúc đẩy sự giải phóng cá nhân. Trong những năm tới, để cải thiện chính sách xã hội đối với phụ nữ, Nhà nước cần tập trung vào một số hướng như sau:

Cần tạo thêm việc làm cho phụ nữ để họ có thêm thu nhập, đặc biệt ở nông thôn – nơi tập trung hơn 70% lao động nữ. Cần phát triển kinh tế đa dạng, khôi phục và phát huy các ngành nghề truyền thống, khuyến khích kinh doanh tổng hợp, không chỉ làm nông nghiệp đơn thuần.

Huy động các nguồn vốn để cho phụ nữ, nhất là những hộ nghèo, vay vốn để sản xuất kinh doanh, trước mắt tập trung khai thác sự tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ thông qua các dự án hỗ trợ nhân đạo.

Hiện có 3 hình thức cho vay vốn đang được phụ nữ hoan nghênh: hỗ trợ không hoàn lại cho phụ nữ khó nhất; hỗ trợ cho vay giống, vốn kết hợp với đưa tiến bộ kỹ thuật vào hoạt động sản xuất của phụ nữ; trực tiếp cho vay vốn luân chuyển trong hội viên. Hiện tại ở 14 tỉnh có các loại dự án tăng thu nhập, phát triển sản xuất với số vốn khai thác được gần 400.000 đôla. Ở một số tỉnh như Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Lạng Sơn, Hải Dương, Hưng Yên...chị em hội viên phụ nữ được vay lợn giống và được vay thêm một khoản tiền mua thức ăn và chăn nuôi theo công nghệ mới thực tế mang lại hiệu quả kinh tế tốt.

Nhà nước cần giúp đỡ đào tạo ngành nghề mới, nâng cao tay nghề cho người lao động nữ, đồng thời tăng cường đầu tư để đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất bằng cách cho vay vốn với lãi suất thấp để phát triển mới, mua máy móc, công cụ cải tiến, đồng thời có chính sách thuế hợp lý để khuyến khích tư nhân đầu tư vào các dịch vụ cần thiết cho sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm...v...v..

Nâng cao kiến thức kinh doanh cho người phụ nữ là điều kiện cần thiết và quan trọng trong điều kiện hiện nay. Nhà nước cần cung cấp thông tin kinh tế về giá cả thị trường, thị hiếu và nhu cầu liên quan đến sản xuất các mặt hàng tiêu thụ nông nghiệp, công nghiệp, tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

Nhà nước chính lý, bổ sung và ban hành đầy đủ những chính sách lao động và bảo hiểm xã hội, bảo vệ quyền lợi của người lao động nữ hoạt động trong các khu vực cá thể, tư nhân, hộ gia đình. Bởi vì trước đây các quy định pháp lý chỉ quan tâm đến người lao động nữ ở khu vực quốc doanh đang trong tình trạng “thả nổi”. Ngay trong khu vực kinh tế quốc doanh, với việc thực hiện hoạch toán kinh doanh, xí nghiệp, cơ sở sản xuất tự chịu lỗ lãi thì đang có khuynh hướng không thích nhận lao động nữ vào làm việc vì họ phải chịu gánh nặng trợ cấp cho phụ nữ khi sinh đẻ, con ốm đau cũng như thời gian làm việc không liên tục của chị em vì gánh nặng gia đình. Đây là vấn đề cần phải được Nhà nước quan tâm đúng mức để bảo vệ quyền lợi của người lao động nữ.

Tóm lại, trong tổng thể các chính sách xã hội đối với phụ nữ vấn đề tạo việc làm, tăng thu nhập giảm sự nghèo khổ cho phụ nữ đang đặt ra hết sức cấp bách. Việc thực hiện những phương hướng chính trên đây gắn liền với quá trình đổi mới toàn diện, sâu sắc của đất nước ta cả về mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng.